

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 05-9-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Doãn Văn Sáng

Bà Nguyễn Thị Lương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1984; Tổ dân phố H, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2022 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Nguyễn Thị D (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 31 tháng 7 năm 2007. Sau khi

cưới vợ chồng sinh sống tại thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V có 03 con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/11/2007, Hoàng Nguyễn Công N, sinh ngày 25/10/2013 và Hoàng Kiều D, sinh ngày 02/03/2017. Các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C và Hoàng Kiều D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Công N cho anh Hoàng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Hoàng Văn V tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D đề nghị để chị và anh Hoàng Văn V tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong bản khai ngày 15 tháng 8 năm 2022 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, anh Hoàng Văn V (bị đơn) trình bày:

Anh Hoàng Văn V thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Nguyễn Thị D là đúng. Nay chị Nguyễn Thị D xin ly hôn, anh không mong muốn ly hôn nhưng anh cũng chưa quyết định được như thế nào. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh đồng ý đề nghị của chị Nguyễn Thị D. Về tài sản chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V. Giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/11/2007 và Hoàng Kiều D, sinh ngày 02/03/2017 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Công N, sinh ngày 25/10/2013 cho anh Hoàng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V tự thỏa thuận giao nhận cho

nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V đều vắng mặt tại phiên tòa và cùng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn 51 ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị D xin ly hôn với anh Hoàng Văn V. Anh Hoàng Văn V không mong muốn ly hôn nhưng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Hoàng Văn V.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V có 03 con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/11/2007, Hoàng Nguyễn Công N, sinh ngày 25/10/2013 và Hoàng Kiều D, sinh ngày 02/03/2017. Các con khỏe

mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V cùng đề nghị Tòa án giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C và Hoàng Kiều D cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Công N cho anh Hoàng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào nguyện vọng của các bên đương sự, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C và Hoàng Kiều D cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Công N cho anh Hoàng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên là Hoàng Nguyễn Thành C, sinh ngày 14/11/2007 và Hoàng Kiều D, sinh ngày 02/03/2017 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Hoàng Nguyễn Công N, sinh ngày 25/10/2013 cho anh Hoàng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nguyễn Thị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008059 ngày 04 tháng 7 năm 2022; Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn V không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trung Hiếu**